

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản số: 03/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2017

V/v: Xin Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Giang Thị Vượng - Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Xuân Xanh; Bà Trần Thị Oanh;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà bà: Bà Lã Thu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu: Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Than Uyên, Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 05/2016/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016 về việc: Xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/3/2017 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh năm: 1978; Nơi ĐKKHKT: Xóm Văn Khúc xã Bình Thuận huyện Đại Từ tỉnh Th Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, phường Quang Trung, thành phố Th Nguyên, tỉnh Th Nguyên(có mặt)

Bị đơn: Anh **Nông Quốc T**- Sinh năm: 1971 Nơi ĐKKHKT: Khu 3, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu(có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nông Hồng Th - 83 tuổi; Bà Bà L78 tuổi

Nơi ĐKKHKT: Xóm Văn Khúc xã Bình Thuận huyện Đại Từ tỉnh Th Nguyên(đều vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/10/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Quốc Ttự nguyện tìm hiểu và sống chung từ ngày 02/12/1995, đến ngày 20/3/2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Th Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh Tlăm ăn, sinh sống tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Th Nguyên, chung sống cùng bố mẹ chồng được 2 năm đến năm 1997 anh chị làm nhà ra ở riêng đất bố mẹ chồng cho, anh Tlăm nghề sửa xe, chị H phụ giúp và làm nghề cắt tóc gội đầu tại nhà. Năm 2005 chị H và anh Tchuyển lên huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu làm ăn sinh sống. Mới đầu lên chị H và anh Tthuê nhà ở khu 5A, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Đến năm 2010 vợ chồng anh chị mua đất tại khu 3, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, sau đó làm nhà, anh Tvẫn làm nghề sửa xe máy chị H làm công việc cắt tóc, gội đầu tại nhà. Thời gian sống chung vợ chồng chị H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, vun đắp tôn trọng nhau dẫn đến tình cảm không còn, việc ai người đó làm, đến tháng 7/2016 chị H quyết định tạm thời chuyển về dưới quê(Th Nguyên), kể từ đó vợ chồng chị sống ly thân, chị H thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Toàn. Tại phiên tòa chị H vẫn nguyên quan điểm xin được ly hôn.

Bị đơn Anh Nông Quốc Tkhai về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị H khai là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Ttrình bày giống như

chị H là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra anh Tcho rằng nguyên nhân chính là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng không thống nhất được quan điểm trong làm ăn kinh tế và trong cách giáo dục con cái. Anh Tkhăng định vẫn còn tình cảm với chị H nên kiên quyết không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng Chị H và anh Tcó hai con chung:

- Cháu Nông Bích Ngọc, sinh ngày 01/01/1997 đã trưởng thành, hiện đang là sinh viên năm thứ 2 Đại học kinh tế Quốc dân;

- Cháu Nông Ngọc Ánh, sinh ngày 01/01/2009 hiện đang ở cùng với chị H, nguyện vọng của chị H được nuôi con chung là cháu Nông Ngọc Ánh, cháu Ánh có nguyện vọng ở cùng với chị H, anh Tnhất trí, anh chị thỏa thuận để chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh đến khi trưởng thành, chị H không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi cháu Ánh, anh Tđồng ý.

Về tài sản chung:

1. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H anh Tở với bố mẹ chồng đến năm 1997 thì vợ chồng anh chị có làm một ngôi nhà 01 tầng có gác xép nằm trên tổng diện tích đất là 279m², trong đó đất ở 168 m²; còn lại là đất vườn để trồng cây lâu năm, có địa chỉ ở xóm Văn Khúc xã Bình Thuận huyện Đại Từ tỉnh Th Nguyên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2011 mang tên vợ chồng. Nhà, đất có mặt đường bám theo dọc đường 261, thuộc Ngã Ba **Buru Điện** huyện Đại Từ tỉnh Th Nguyên, trước khi vợ chồng anh chị chuyển lên huyện Than Uyên tỉnh Lai châu làm ăn thì ngôi nhà này vợ chồng chị H vẫn làm nghề sửa chữa xe máy và cắt tóc gọi đầu, đối với nhà thì anh chị thống nhất là tài sản chung riêng đất thì các bên không thống nhất.

Theo chị H: Đất có nguồn gốc là của bố mẹ anh Tcho sau khi cho anh chị làm nhà năm 1997, đến năm 2010 bố mẹ chồng chị đã đi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho anh chị, do vợ chồng chị H chuyển lên làm ăn tại huyện Than

Uyên nên hàng năm bố mẹ chồng chị đều là người đi nộp thuế đất cho anh chị, riêng tiền thuê nhà thì bố mẹ chồng quản lý sau đó chuyển cho anh Toàn, chị H khẳng định chị không gian dối, lừa gạt để được hưởng tài sản, vì bố mẹ đã cho và anh chị đã làm nhà từ năm 1997 tính đến nay đã được 20 năm nên chị khẳng định đây là tài sản chung, của vợ chồng chị.

Chị H yêu cầu nhà đất nêu trên cần giao cho anh T quản lý sử dụng, chị H không tranh chấp về giá trị nên không yêu cầu anh T thanh toán tiền giá trị chênh lệch tài sản nhà đất trên.

Theo anh Toàn: Thừa đất này là của bố mẹ anh Toàn, nguồn gốc đất là do ông cha để lại, bố mẹ anh chỉ cho vợ chồng đứng tên trong giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa công bố cho vợ chồng anh chị, nên quan điểm của anh Toàn không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn yêu cầu xem xét thẩm định, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Đại Từ tỉnh Th Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo yêu cầu chị H Tòa án huyện Đại Từ còn tiến hành định giá tài sản.

Kết quả định giá: đất ở $168\text{m}^2 \times 2.200.000/\text{m}^2 = 369.600.000$ đồng; đất trồng cây lâu năm $111\text{m}^2 \times 50.000/\text{m}^2 = 5.500.000$ đồng; Nhà ở giá trị còn lại là 88.390.000 đồng; phần mái p rô xi măng che sân, che đất cạnh nhà, giá trị còn lại là 5.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 468.540.000 đồng.

2. Chị H và anh T cùng thống nhất tài sản chung là nhà đất tại khu 3 thị trấn Than Uyên nhưng không thống nhất về giá trị, và ai là người được trực tiếp quản lý, cụ thể như sau:

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị có mua đất và làm nhà cấp 4, gạch chỉ tường 10 được xây trên diện tích $161,1\text{m}^2$ tại khu 3 thị trấn Than

Uyên huyện Than Uyên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/3/2010 mang tên anh Nông Quốc Tvà chị Nguyễn Thị H, chị H và anh Tkhăng định đây là tài sản chung nhưng không thống nhất được giá trị, chị H nêu giá trị nhà đất là 1.000.000.000 đồng, quá trình giải quyết anh Tkhông nêu giá trị, sau khi chị H có đơn yêu cầu định giá tài sản anh Tnêu giá trị là 600.000.000 đồng. Chị H yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định, định giá tài sản. Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, qua đo đạc thực tế cho thấy diện tích tăng so với giấy chứng nhận sử dụng đất là 6,8 m², như vậy tổng diện tích là 167,8m². Theo kết luận số: 01/KLĐG ngày 27/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên thì số tài sản trên có tổng giá trị là: 837.984.743 đồng. Mức giá trung bình cộng anh Toàn, chị H đưa ra(chị H là 1.000.000.000 đồng; anh T600.000.000 đồng = 800.000.000 đồng)

Nguyện vọng của chị H đề nghị được sở hữu nhà đất để sau khi Tòa án giải quyết xong vụ việc chị H sẽ dọn về tiếp tục làm công việc cắt tóc gội đầu để tạo thu nhập nuôi cháu Nông Ngọc Ánh và chu cấp nuôi cháu Nông Bích Ngọc ăn học đại học.

Nguyện vọng của anh Tđề nghị nếu vợ chồng ly hôn anh Tnhận sở hữu nhà đất với lý do anh Tđang trực tiếp làm nghề sửa chữa xe máy tại đó, để duy trì cuộc sống và có tiền chu cấp cho cháu Nông Bích Ngọc theo học, nếu được sở hữu ngôi nhà anh Tsẽ trả tiền chênh lệch cho chị H là 450.000.000 đồng.

Về công nợ chung: chị H và anh Ttrình bày thống nhất là không có nợ chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nông Hồng Th và bà Dương Hồng Loan(bố mẹ đẻ anh Toàn) có đơn đề nghị với Tòa án huyện Đại Từ và Tòa án huyện Than Uyên. Căn cứ đơn đề nghị của ông bà, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã đưa ông Th bà Loan vào tham gia tố tụng để xem xét quyền lợi của ông bà. Theo đơn đề nghị cũng như nội dung đơn xin xử vắng mặt ông Th bà Loan đều trình bày: Năm 1996 anh Tvà chị H kết hôn, năm 1997 sinh cháu thứ nhất (cháu Ngọc) đến tháng 4/1997 ông Th bà Loan

có làm nhà cho anh chị Toàn, H tiền làm nhà là của ông bà bỏ ra, chị H và anh Tkhông phải bỏ ra đồng nào, đến năm 2007 do muốn phát triển kinh tế nên anh chị H Tlên Than Uyên làm ăn, sinh sống. Ông Th bà Loan cho rằng do ông bà tuổi đã cao không biết sống chết thế nào, nên năm 2011 ông bà đã làm thủ tục chia đất cho các con để sau này các con của ông bà không xảy ra việc mâu thuẫn mất đoàn kết. Tất cả các phần đất được chia cho các con đã được chính quyền xã Bình Thuận hoàn tất và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất năm 2011, tiền thuế đất hàng năm do ông bà đóng trong đó có vợ chồng anh chị TH. Ông Th bà Loan cho rằng chỉ cho đứng tên chứ chưa giao bìa đỏ, việc chị H mượn sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận để đề nghị chia ông bà không đồng ý.

Ông bà đề nghị Tòa án thu hồi không cho anh chị T- H sử dụng ngôi nhà tại xã Bình Thuận, và yêu cầu chị H trả lại ông bà giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu qua việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48- Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; Các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 70, 71, 234 - Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào điều 28, 35, 39 - Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Quốc T

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Quốc Tkết hôn trên sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Th Nguyên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 12/2002 ngày 20/3/2002 của UBND xã Bình Thuận xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Tlà hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh Tchị H đều thừa nhận là không hợp tính tình, không ai nghe ai, không ai quan tâm đến ai anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2016 anh Tmong muốn vợ chồng khắc phục những sai sót của mỗi bên để đoàn tụ nuôi con nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh Tđồng ý ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị H và anh Tcó sự mâu thuẫn về trình trạng hôn nhân và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt do chị H không còn tình cảm với anh Toàn, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh chị không còn tin tưởng nhau mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Sau khi thụ lý Toà đã tiến hành hoà giải cho anh chị nhưng không được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Từ khi ly thân cả anh và chị không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 - Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho Chị H và Anh Tđược ly hôn.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nông Quốc T đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ chăm sóc con chung theo đó chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nông Ngọc Ánh, sinh ngày 01/01/2009 đến khi trưởng thành(đủ 18 tuổi) chị H anh Tkhông đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy thỏa thuận của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ánh nên cần ghi nhận.

cháu Nông Bích Ngọc đã thành niên anh Tchi H cùng có trách nhiệm chu cấp cho cháu ăn học và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản và công nợ

Về công nợ chung: anh chị thống nhất không có công nợ chung

Tài sản anh chị đã thống nhất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

Ngôi nhà cấp 4, xây gạch chỉ tường 10 trên Diện tích 161,1 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI 266492 cấp ngày 31/3/2010 mang tên anh Nông Quốc Tvà chị Nguyễn Thị H có địa chỉ, khu 3 thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. Về giá trị tài sản, Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên đã định giá tài sản trên cơ sở giá thị trường và kết luận nhà, đất có trị là: 837.984.743 đồng phù hợp với giá trị trung bình cộng của chị H và anh Tđưa ra là 800.000.000 đồng, anh Tvà chị H đều nhất trí theo kết luận định giá tài sản.

Tài sản mà các đương sự đang có tranh chấp là nhà đất trên diện tích là 279 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 212659 mang tên ông Nông Quốc Tvà bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại từ, tỉnh Th Nguyên. Năm 1996 anh chị kết hôn năm 1997 gia đình ông Th bà Loan cho vợ chồng anh Tchi H ra ở riêng và làm nhà xây kiên cố trên diện tích đất này, sau đó ông bà đã hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị. Chị H khẳng định bố mẹ chồng đã cho vợ chồng anh chị và chính ông Th bà Loan đi làm thủ tục chuyển nhượng, khi làm nhà vợ chồng anh chị có được bố mẹ hỗ trợ một phần, làm xong nhà vẫn còn nợ lại. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của anh Toàn, anh Tkhai tiền làm nhà là của bố mẹ cho một nửa, vợ chồng anh chị có một nửa. Như vậy lời khai của ông Th bà Loan mâu thuẫn với lời khai của anh Tvà chị H. Việc ông bà cho anh chị làm nhà trên đất của gia đình từ năm 1997 sau đó chính ông bà là người đi làm thủ tục chuyển nhượng phân chia và cho vợ chồng anh chị mang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã khẳng định anh Tvà chị H không gian dối để có được quyền sử dụng đất, việc ông Th bà Loan đòi lại với lý do nếu vợ chồng ở với nhau mới cho nhà, đất là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Căn cứ vào lời khai của anh Toàn, chị H, và ông Th bà Loan với biên bản xem xét thẩm định, biên bản định giá tài sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh chị, vận dụng án lệ số 03/2016/AL được HĐTP TANDTC thông qua ngày 06/4/2016 và được đăng công bố theo quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nội dung án lệ khái quát "*Trường hợp cha mẹ đã cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất đó để làm nơi ở, khi vợ chồng người con xây dựng thì cha mẹ và những người khác không có ý kiến gì phản đối, vợ chồng người con đã sử dụng nhà, đất liên tục, ổn định, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải xác định là đất của vợ chồng người con đã được tặng cho quyền sử dụng đất*" như vậy sau khi nghiên cứu nội dung án lệ nêu trên HĐXX thấy rằng vụ việc của anh chị có tính chất tình tiết tương tự, sự kiện pháp lý giống nhau, mặt khác quyền sử dụng đất của anh chị có được là do chính ông Th bà Loan là người đi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho anh chị, cả anh chị không ai gian dối. Về mặt ý chí, về mặt pháp lý ông Th bà Loan đã tự nguyện cho anh chị, kể từ khi cho ông bà không có ý kiến, tranh chấp gì. Do đó cần khẳng định nhà đất trên thuộc quyền định đoạt của anh chị là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Xét về nguyện vọng chị H, anh Toàn, ý kiến của ông Th bà Loan cũng như nguồn gốc tài sản hình thành, về nguyên tắc khi chia tài sản chung, nếu không chia được bằng hiện vật mới chia theo giá trị, bảo vệ quyền lợi chính đáng của vợ, con chưa thành niên, đảm bảo lợi ích chính đáng của mỗi bên về nhu cầu nhà ở, trên cơ sở xem xét ý kiến của chị H, chị H và con hiện đang đi thuê nhà ở (mỗi tháng 2.000.000 đồng) nếu được giao nhà, đất ở huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu chị trở lại tiếp tục công việc cắt tóc gội đầu để tạo thu nhập nuôi dạy các con, công việc cắt tóc gội đầu là nguồn sống của mẹ con.

Đề nghị của chị H giao nhà ở Xóm Khúc xã Bình Thuận huyện Đại Từ cho anh Toàn, phù hợp với nguyện vọng của anh Toàn, và ý kiến của ông Th bà Loan vì nhà đất trước khi lên Than Uyên làm ăn, sinh sống cả anh và chị đều làm nghề cắt tóc và sửa chữa xe máy ở đó. Do nhà, đất có nguồn gốc của bố mẹ nên chị không đề nghị chia giá trị tài sản mà giao cho anh Tsử dụng.

Từ những lập luận nêu trên HĐXX quyết định giao cho anh T sở hữu nhà, đất ở xóm Văn Khúc xã Bình Thuận huyện Đại Từ tỉnh Th Nguyên, anh T không phải thanh toán giá trị chênh lệch cho chị H

Giao cho chị H sở hữu nhà đất tại khu 3 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, Chị H nhận trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho anh T là 418.992.371 đồng.

Bác yêu cầu đòi lại đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th và bà Loan (đối với ý kiến về việc ông Th bà Loan cho rằng tiền làm nhà là của ông bà, tại phiên tòa anh chị đều thừa nhận tiền làm nhà ông bà có cho nhưng do ông bà không yêu cầu đòi cụ thể tiền làm nhà đã cho bao nhiêu, mặt khác chị H không tranh chấp về giá trị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết)

Về chi phí thẩm định, định giá, chị H phải chịu 4.200.000 đồng (xác nhận chị H đã nộp)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 200.000 đồng;

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh T và chị H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với tài sản là nhà và quyền sử dụng đất mà mình được nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 59, 63, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 210, 212, 213, 219, 357, 468 - Bộ luật dân sự 2015; và các điều 28, 35, 39 điều 266, 267 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nông Quốc Toàn.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh chị:

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Nông Ngọc Ánh, sinh ngày 01/01/2009 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị H và anh T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu anh Nông Quốc Tuấn cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Nông Quốc Tuấn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung

Xác nhận quyền sử dụng 279 m² thửa số 91 tờ bản đồ số 33 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2011 mang tên anh Nông Quốc Tuấn và chị Nguyễn Thị H ở xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung của chị Nguyễn Thị H và anh Nông Quốc Tuấn.

Xử: Giao cho anh Nông Quốc Tuấn được quyền sử dụng một ngôi nhà xây bằng bê tông, gác xếp nằm trên tổng diện tích là 279 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 212659 mang tên ông Nông Quốc Tuấn và bà Nguyễn Thị H có trị giá tài sản là 468.540.000 đồng.

Nhà đất có địa chỉ: x

óm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Có tứ cận phía đông giáp đường 261; phía tây giáp hộ bà Nguyễn Thị Chung; phía Nam giáp hộ anh Nông Quốc Thịnh; phía bắc giáp đất vườn hộ ông Nông Hồng Th.

Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4, xây gạch chỉ tường 10 mái tôn, trần nhựa trên Diện tích 161,1 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI 266492 cấp ngày 31/3/2010 mang tên anh Nông Quốc Tuấn và chị Nguyễn Thị H có trị giá 837.984.743 đồng.

Nhà đất có địa chỉ: Khu 3 thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên tỉnh Lai châu, tứ cận phía đông giáp Tòa án nhân dân huyện Than Uyên; phía tây giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Nghĩa; phía bắc giáp đất hộ anh Nguyễn Văn Bốn, phía nam giáp đường nhánh 2A;

Chị H có trách nhiệm trả tiền giá trị chênh lệch nhà và quyền sử dụng đất cho anh Tuấn là 418. 992.371 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Tuấn được hưởng có giá trị: 887.532.300 đồng

Tổng giá trị tài sản chị H được hưởng có giá trị: 418. 992. 371 đồng.

Anh Nông Quốc Tuấn được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

Áp dụng các khoản 8, 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Anh T và chị H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với tài sản được chia. Anh T phải chịu là 38. 626.000 đồng.

Tổng án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu là: 20.960.000 đồng.

(Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 21.000.000 (Hai mươi một triệu đồng) đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên ngày 07/10/2016 nay chuyển thành án phí) chị H được hoàn trả lại là 40.000 đồng, Anh T chưa nộp án phí.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Chị H anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên tỉnh Lai Châu để yêu cầu giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Ông Th bà Loan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.
- TAND Huyện Đại Từ
- VKS Tỉnh, huyện.
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thuận
- THA Dân sự
- Lu HS,TA

Giang Thị Vượng

